

Bản án số: **09/2022/DS-PT**

Ngày 07/01/2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 218/2021/TLPT-DS ngày 22/10/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DSST ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị nguyên đơn ông Đinh Bộ Lĩnh kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2021/QĐPT-DS ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Bộ L.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Nhật Q - Địa chỉ: Lô q đường t, phường u, Quận m, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Tô Thị T.

Địa chỉ: Số g đường o, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tấn K.

Địa chỉ: số z đường s, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Ông Y T Kđoh và bà H' D Bkrông.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Ông Đinh Quyết Th.

Địa chỉ: Thôn Tân N, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Ông Nguyễn Bá L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tô Thị T.

Cùng địa chỉ: Số g đường o, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bà Ngô Thị T.

Địa chỉ: 80 Dã Tượng, tổ dân phố 9, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Bộ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Tháng 6/1996 ông Đinh Bộ L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn K 171m² (9m x 19m) đất thuộc thửa đất số 53, 60, 84, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B, hai bên thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì. Ông L đã thanh toán hết tiền và ông K đã bàn giao đất trên thực địa. Nguồn gốc thửa đất này của ông Y T Kdoh được Nông trường 11/3 cấp, đến năm 1995 ông Y T chuyển nhượng lại cho ông K, hai bên viết giấy chuyển nhượng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Giấy này ông K đã bàn giao cho ông L khi chuyển nhượng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L xây hàng rào bao quanh diện tích đất trên. Năm 1999 ông L giao thửa đất này cho ông Đinh Quyết Th (em trai ông L) để làm nhà ở cho mẹ, diện tích nhà 32m² (4m x 8m), ông Th là người đóng thuế sử dụng đất. Đến tháng 5/2018 bà Tô Thị T tự động phá dỡ, xây dựng rào chia đôi đất và chiếm giữ 84,9m² đất thuộc thửa đất số 60 của ông L. Hai bên xảy ra tranh chấp, đã được hòa giải nhưng không thành. Nay ông L khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại 84,9m² đất.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Tô Thị T trình bày:** Năm 2003 bà T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị P 80m² đất (4m x 20m) thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B, có tứ cận phía đông giáp nhà ông H dài 4m, phía tây giáp nhà anh N dài 04m, phía nam giáp nhà anh Y G dài 20m, phía bắc giáp nhà anh T dài 20m, giá trị chuyển nhượng 15.000.000 đồng. Sau đó bà P đưa bà T đến gặp ông Phan Anh T1 (chủ cũ của thửa đất này) để làm hợp đồng chuyển nhượng đất. Nguồn gốc đất do ông T1 nhận chuyển nhượng từ ông Y T vào năm 1996, hai bên lập giấy chuyển nhượng, có xác nhận của UBND phường T. Giấy này ông T1 đã bàn giao cho bà T giữ. Bà T đã thanh toán hết tiền cho bà P và đã nhận bàn giao đất trên thực địa. Bà T cho mẹ của ông Y T mượn đất để trồng rau, không ai có ý kiến gì. Từ năm 2003-2009 bà T thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sử dụng đất đối với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng này. Năm 2006 bà T xây dựng hàng

rào phía sau của thửa đất, giáp với phần đất của ông L, các bên không có ý kiến gì. Năm 2009 Trung tâm phát triển quỹ đất có kế hoạch giải tỏa đền bù khu vực này, bà T đã kê khai phần diện tích đất 80m² thuộc thửa đất số 60 để nhận đền bù, ông Th chỉ kê khai đền bù đối với diện tích 80m² đất thuộc thửa đất số 53. Ranh giới đất giữa nhà bà và ông L được xác định bởi hàng rào bằng lưới B40 đã tồn tại từ lâu, đến năm 2018 thì bà T xây dựng tường rào bằng gạch chồng lên hàng rào bằng lưới B40 này, khi đó ông L không có ý kiến gì. Nay ông L khởi kiện thì bà không đồng ý, bởi đất bà nhận chuyển nhượng hợp pháp, không lấn chiếm đất của ông L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

- **Ông Đinh Quyết Th trình bày:** Năm 1996 ông góp tiền với ông Đinh Bộ L (anh trai) để cùng mua đất chung. Ông ủy quyền toàn bộ cho ông Lĩnh thực hiện việc chuyển nhượng đất. Ông được ông L thông báo nhận chuyển nhượng của ông K 171m² (9m x 19m) tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B, còn cụ thể việc mua bán như thế nào ông không rõ. Năm 2009 Nhà nước có chủ trương thu hồi đất và giải tỏa đền bù, ông Th kê khai đối với diện tích 80m² (4m x 20m) thuộc thửa đất số 53, phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 60 thì ông L tự kê khai. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

- **Ông Nguyễn Tấn K trình bày:** Năm 1995 ông nhận chuyển nhượng của ông Y T Kđoh một lô đất có diện tích 160m² (08m x 20m) thuộc thửa đất số 53, 60 tờ bản đồ số 17, tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B, giá chuyển nhượng 03 chỉ vàng 97 và 01 xe cup 70. Vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên viết giấy chuyển nhượng đất cho nhau (do ông K viết). Khoảng 01 tuần sau ông K chuyển nhượng 01 phần lô đất trên cho ông L, diện tích chuyển nhượng 80m² (4m x 20m) thuộc thửa đất số 53, giá chuyển nhượng ông không nhớ. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì, ông K đưa giấy chuyển nhượng đất giữa ông Y T với ông K cho ông L giữ. Sau đó ông K chuyển nhượng phần diện tích còn lại 80m² (4m x 20m) thuộc thửa đất số 60 cho một người khác nhưng không nhớ tên và địa chỉ. Ông K xác định chỉ chuyển nhượng cho ông L 80m² (4m x 20m) thuộc thửa đất số 53. Giấy sang nhượng đất ngày 27/12/1995 do nguyên đơn cung cấp tại mục người mua đất do ông K viết và ký tên. Ông L khởi kiện là không đúng.

- **Ông Y T Kđoh trình bày:** Trước đây ông là công nhân Nông trường B nên năm 1985 ông được Nông trường giao cho quản lý và sử dụng 01 lô đất có diện tích 340m² (17m x 20m) thuộc thửa đất số 53, 60, 84, tờ bản đồ số 17, tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B. Ông xây dựng nhà và ở trên đất. Năm 1995 ông chuyển

nhượng 01 phần thửa đất này cho ông Nguyễn Tấn K, diện tích chuyển nhượng 160m² (8m x 20m) đất thuộc thửa đất số 53, 60 với giá 03 chỉ vàng 97 và 01 xe cup 70. Vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên viết giấy chuyển nhượng đất cho nhau (do ông K viết). Ngoài ra, ông không chuyển nhượng đất cho ai khác. Chữ ký, chữ viết đề tên Y T Kđoh và H'D Bkrông tại Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 06/01/1996 với ông Phan Anh T1 không phải chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Theo ông được biết, khi bà T xây dựng hàng rào giữa đất bà T và ông L thì hai bên không tranh chấp gì.

- **Bà Ngô Thị Th trình bày:** Vợ chồng bà Th và ông L nhận chuyển nhượng của ông K 171m² (9m x 19m) đất tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B. Tại thời điểm đó, UBND tỉnh có chỉ thị cấm mua đất của đồng bào nên vợ chồng bà không làm giấy ra phường. Vợ chồng bà giao tiền cho chị Th (vợ anh K), anh K giao giấy tờ mua bán đất từ ông Y T cho cho vợ chồng bà giữ. Ông K, ông Y T cùng nhau bàn giao đất trên thực địa, gia đình bà lấy lưới B40 rào xung quanh đất. Gia đình bà xây dựng nhà cho mẹ ở sát nhà ông Y T, phần đất còn lại mẹ bà trồng rau và chuối. Do già yếu nên mẹ về ở cùng gia đình tôi. Sau đó bà T đến xây tường ngăn đôi đất của gia đình bà. Giấy sang nhượng đất giữa ông Tuấn và bà T là không đúng, có dấu hiệu lừa đảo nên bà đề nghị hủy 02 giấy tờ sang nhượng đất và buộc bà T phải trả lại đất cho gia đình bà.

- **Người làm chứng bà Nguyễn Thị P trình bày:** Ngày 28/7/2003 bà nhận chuyển nhượng của ông Phan Anh T1 và bà Lê Thị H 80m² (4m x 20m) đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17, tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B. Sau đó bà chuyển nhượng lại cho bà Tô Thị T. Vì đất chưa có sổ đỏ nên bà nhờ vợ chồng ông T, bà H viết giấy chuyển nhượng đất từ ông T, bà H cho bà T. Chữ viết trong giấy ủy quyền của bà H và hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông T1, bà H với bà T là do bà P viết, sau đó các bên tự ký tên xác nhận. Các bên đã thanh toán xong tiền, đã bàn giao giấy tờ mua bán đất trước đó cho nhau.

- **Người làm chứng bà Tô Thị V trình bày:** Ngày 15/12/2003 vợ chồng bà V nhận chuyển nhượng của bà Tô Thị T (chị gái của bà V) 73,8m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17 tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B. Sau đó đất nằm trong diện quy hoạch, giải tỏa, không cho phép làm nhà nên hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, không chuyển nhượng đất cho nhau nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DSST ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng Điều 197, Điều 199 Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 166, Điều 167,

Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Bộ L về việc yêu cầu bà Tô Thị T phải trả lại diện tích 84,9m² quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17 tại tổ dân phố x, phường y, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định chữ ký, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/8/2021 nguyên đơn ông Đinh Bộ L kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Buôn Ma Thuột để điều tra, làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử nhận định Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đinh Bộ L kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Bộ L: Ông L yêu cầu bà Tô Thị T phải trả lại 84,9m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố x, phường y, TP. B, có tứ cận phía đông giáp thửa đất số 61, 62, phía tây giáp thửa đất số 53, phía nam giáp thửa đất số 186, phía bắc giáp đường đi.

- Về nguồn gốc của thửa đất: Năm 1985 ông Y T Kđoh được Nông trường B cấp cho 01 lô đất có diện tích 340m² (17m x 20m) đất thuộc thửa đất số 53, 60, 84, tờ bản đồ số 17. Đến ngày 27/12/1995 ông Y T Kđoh chuyển nhượng một phần lô đất trên cho ông Nguyễn Tấn K, diện tích đất chuyển nhượng có chiều ngang 09m, chiều dài 19m (đã bị sửa chữa chữ số chiều dài) thuộc thửa đất số 53, 60. Quá trình giải quyết vụ án, ông Y T và ông K đều thừa nhận ông Y T chuyển nhượng cho ông K 01 lô đất có diện tích 160m² (8m x 20m) thuộc thửa đất số 53, 60 tại Tổ dân phố x, phường y, TP. B và chữ ký, chữ viết đề tên dưới mục người bán đất Y T Kđoh và người mua đất Nguyễn Tấn K tại Giấy sang nhượng đất ngày 27/12/1995 do hai ông tự ký và viết tên. Như vậy, việc chuyển nhượng đất từ ông Y T Kđoh cho ông Nguyễn Tấn K là có thật.

- Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp: Ông L cho rằng ông nhận chuyển nhượng của ông K toàn bộ 160m² đất (08m x 20m), hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản chuyển nhượng, ông K giao cho ông L giấy chuyển nhượng đất ngày 27/12/1995 giữa ông Y T và ông K. Quá trình giải quyết vụ án, ông K xác nhận chỉ chuyển nhượng 80m² đất thuộc thửa đất số 53 cho ông Đinh Bộ L và chuyển nhượng 80m² đất thuộc thửa đất số 60 cho một người khác nhưng không nhớ rõ tên. Do vậy, không có căn cứ xác định diện tích 84,9m² thuộc thửa đất số 60 là của ông Đinh Bộ L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn K.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tô Thị T trình bày diện tích đất 84,9m² thuộc thửa đất số 60 bà T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị P (bà P nhận chuyển nhượng từ ông Phan Anh T1) và xuất trình chứng cứ là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/01/1996 giữa ông Y T Kđoh và ông Phan Anh T1. Tại Kết luận giám định số 155/KLGĐ-PC09 ngày 08/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết mang tên H'D và Y T dưới mục bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/01/1996 (từ ông Y T cho ông Phan Anh T1) không phải là chữ viết của ông Y T và bà H'D. Ông Y T Kđoh cũng xác nhận ông không chuyển nhượng đất cho ông Phan Anh T1. Hiện tại ông Phan Anh T1 đã chết (có giấy chứng tử) nên không tiến hành lấy lời khai của ông T1 được. Mặc dù ông T1 đã chết, nhưng theo lời khai của ông Nguyễn Tấn K, có căn cứ xác định thửa đất số 60 ông K chuyển nhượng cho ông T1, sau đó ông T1 chuyển nhượng cho bà P và bà P chuyển nhượng cho bà T.

- Về quá trình sử dụng đất của ông Đinh Bộ L: Ông L cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông đã xây dựng hàng rào B40 bao quanh lô đất, đến

năm 1999 thì ông giao lại lô đất này cho ông Đinh Quyết Th (em trai ông L) xây dựng nhà (04m x 08m) cho mẹ ở, ông L đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột thể hiện ranh giới giữa thửa đất số 60 tờ bản đồ số 17 hiện nay do bà Tô Thị T đang sử dụng và thửa đất số 53, tờ bản đồ số 17 hiện nay do ông Đinh Quyết Th đang sử dụng có hàng rào bằng gạch, cao khoảng 20cm, đã bị hư hỏng. Theo hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng Tổ dân phố x, phường y, TP. B năm 2009 do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B cung cấp, thể hiện thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17 (trước đây là thửa đất số 185, tờ bản đồ số 74) do bà Tô Thị T (bà Tô Thị V) kê khai; Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 17 (trước đây là thửa đất số 107, tờ bản đồ số 74) do ông Đinh Quyết Th kê khai; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, có đại diện tổ dân phố 6 (Bà Trương Thị Hồng H - Tổ trưởng) xác nhận thửa đất số 60 của bà T, thửa đất số 53 của ông Th. Như vậy, thực tế ông Đinh Quyết Th chỉ quản lý, sử dụng thửa đất số 53, còn bà Tô Thị T quản lý, sử dụng thửa đất số 60. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị T cung cấp cho Tòa án Biên lai thu thuế nhà đất số 18764 ngày 10/7/2009, thu 565.566 đồng tiền thuế đất từ năm 2003-2009. Theo lời khai của ông Đinh Quyết Th thì ông Th và ông L góp tiền chung để nhận chuyển nhượng 9m x 19m đất của ông Y T Kđoh, mỗi người 1/2, đến năm 1999 thì ông làm nhà 4m x 8m trên phần diện tích đất của ông, phần còn lại của ông L. Như vậy, theo lời khai của ông Th thì ông Th quản lý, sử dụng thửa đất số 53, còn ông L quản lý sử dụng thửa đất số 60. Tuy nhiên, ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông L thực tế quản lý, sử dụng thửa đất số 60 từ năm 1996 cho đến nay.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Tô Thị T là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17, diện tích 84,9 m². Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Bộ L là phù hợp Điều 164, Điều 174, Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Bộ L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 09/7/2021 ông L có đơn yêu cầu đề nghị hoãn phiên tòa, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi gian dối, giả mạo chữ ký nhằm chiếm đoạt tài sản; Ngày 19/7/2021 và ngày 11/8/2021 ông L có đơn yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để làm rõ hành vi gian dối, giả mạo chữ ký nhằm chiếm đoạt tài sản. Nguyên đơn yêu cầu không phải là một trong các căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ án

theo quy định tại Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự và hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, yêu cầu này được ông L đưa ra sau khi Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử (số 121 ngày 24/5/2021) nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp khoản 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và chứng minh theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự; đã đưa đầy đủ các đương sự vào tham gia tố tụng và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; đã phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan và toàn diện về các tình tiết vụ án; Các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Trường hợp ông Đinh Bộ L cho rằng các đương sự có hành vi gian dối, giả mạo chữ ký nhằm chiếm đoạt tài sản thì ông có thể làm đơn tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Bộ L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo ông Đinh Bộ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Vì ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Bộ L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2021/DSST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Bộ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Vì ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. BMT ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung